TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
Địa chỉ: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (028) 37283519, 36402353 Email: ptn.ceeco@gmail.com
Website: http://www.ceeco.vn
VALAS 084 VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 7861/11-26

Mã mẫu: 2611NC183 (038/11-26) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI
Địa chỉ lấy mẫu : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bơm, Xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/11/2026 **Ngày trả kết quả**: 17/11/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : **NC1** Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH (b)	-	TCVN 6492:2011	7,02	**6,0-8,5**
2	Độ đục (b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	**2**
3	Mùi (*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
4	Clo dư (b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,45	**0,2-1,0**
5	Độ màu (b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	**15**
6	Độ kiềm (b)	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	16,5	**-**
7	Chỉ số $KMnO_4$ (b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	**2**
8	NH_4^+ (tính theo N) (b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	**1**
9	Asen (As) (b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	**0,01**
10	*E.coli* (b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	**<1**
11	Tổng Coliform (b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	**<1**

Ghi chú:

***KPH**: Không phát hiện (<MDL)*
***MDL**: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
***QCVN 01-1:2024/BYT** : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ
(*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test report are valid only for the sample*
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *The sample information is written as customer's request*
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
Địa chỉ: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (028) 37283519, 36402353 Email: ptn.ceeco@gmail.com
Website: http://www.ceeco.vn
VALAS 084 VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 7862/11-26

Mã mẫu: 2611NC184 (038/11-26) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI
Địa chỉ lấy mẫu : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bơm, Xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/11/2026 **Ngày trả kết quả**: 17/11/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : **NC2** Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH (b)	-	TCVN 6492:2011	7,06	**6,0-8,5**
2	Độ đục (b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	**2**
3	Mùi (*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
4	Clo dư (b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,38	**0,2-1,0**
5	Độ màu (b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	**15**
6	Độ kiềm (b)	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	15,5	**-**
7	Chỉ số $KMnO_4$ (b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	**2**
8	NH_4^+ (tính theo N) (b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	**1**
9	Asen (As) (b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	**0,01**
10	*E.coli* (b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	**<1**
11	Tổng Coliform (b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	**<1**

Ghi chú:

***KPH**: Không phát hiện (<MDL)*
***MDL**: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
***QCVN 01-1:2024/BYT** : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ
(*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test report are valid only for the sample*
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *The sample information is written as customer's request*
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
Địa chỉ: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (028) 37283519, 36402353 Email: ptn.ceeco@gmail.com
Website: http://www.ceeco.vn
VALAS 084 VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 7863/11-26

Mã mẫu: 2611NC185 (038/11-26) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI
Địa chỉ lấy mẫu : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bơm, Xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/11/2026 **Ngày trả kết quả**: 17/11/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : **NC3** Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH (b)	-	TCVN 6492:2011	7,08	**6,0-8,5**
2	Độ đục (b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	**2**
3	Mùi (*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
4	Clo dư (b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,34	**0,2-1,0**
5	Độ màu (b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	**15**
6	Độ kiềm (b)	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	16,0	**-**
7	Chỉ số $KMnO_4$ (b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	**2**
8	NH_4^+ (tính theo N) (b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	**1**
9	Asen (As) (b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	**0,01**
10	*E.coli* (b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	**<1**
11	Tổng Coliform (b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	**<1**

Ghi Chú:

***KPH**: Không phát hiện (<MDL)*
***MDL**: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
***QCVN 01-1:2024/BYT** : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ
(*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test report are valid only for the sample*
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *The sample information is written as customer's request*
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO